

Số: 07/2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 42/TTr-STNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác, gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

Trường hợp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện hoặc đã có kế hoạch sử dụng đất (với mục đích khác). Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu và xác định diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện hoặc đã có kế hoạch sử dụng đất để làm cơ sở cho người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trình người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt đối với trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

2. Đối với hành vi vi phạm làm biến dạng địa hình đất theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất:

Hành vi vi phạm làm thay đổi độ dốc bề mặt đất mà tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính diện tích đất vi phạm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất vi phạm

phạm có trách nhiệm xác định tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu và xác định diện tích vi phạm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt đối với trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính mà diện tích đất mặt nước chuyên dùng đó không còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định (theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã điều chỉnh, thay thế chức năng cấp thoát nước của sông, suối, kênh, rạch hiện hữu); Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu và xác định diện tích vi phạm không còn sử dụng vào mục đích tưới tiêu nước hoặc tạo môi trường, cảnh quan để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt đối với trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận):

Trường hợp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính mà diện tích đất vi phạm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất vi phạm có trách nhiệm xác định tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu và xác định diện tích vi phạm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận để làm cơ sở cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt đối với trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm (không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định này)

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Buộc khôi phục lại độ dày tầng của đất trước khi vi phạm, cải tạo đất đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm (trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho phép sử dụng đất đa mục đích theo quy định tại Điều 218 Luật Đất đai): Buộc loại bỏ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và cải tạo đất đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

c) Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định

Tùy tính chất, mức độ của hành vi vi phạm cụ thể, người có thẩm quyền xử phạt áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục như: Luân canh cây trồng, trồng cây che phủ, canh tác theo đường đồng mức; xây dựng bờ kè, bờ bao để giữ nước và ngăn chặn dòng chảy làm trôi đất, đặc biệt trong các khu vực có địa hình dốc; thực hiện bón phân hữu cơ để cải thiện hàm lượng chất hữu cơ trong đất, giúp tăng khả năng giữ nước và dinh dưỡng; trồng cây, tạo thảm thực vật giúp tăng cường khả năng giữ đất, giảm thiểu xói mòn và tạo môi trường bền vững; điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với nhu cầu cây trồng và khả năng giữ nước của đất, tránh tình trạng ngập úng hoặc rửa trôi; xây dựng hệ thống thu gom và lưu trữ nước mưa để sử dụng trong mùa khô, đồng thời giảm tải áp lực dòng chảy gây xói mòn trong mùa mưa.

2. Đối với hành vi vi phạm làm biến dạng địa hình đất theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

Tùy tính chất, mức độ của hành vi vi phạm cụ thể, người có thẩm quyền xử phạt áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục như: Buộc san lấp, điều chỉnh lại độ dốc, độ cao theo hiện trạng trước khi vi phạm; hoặc phải cải tạo đất đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất; buộc nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng như trước khi vi phạm (trường hợp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính mà mặt nước chuyên dùng đó vẫn còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng của đất đối với từng hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm phối hợp trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính

a) Trong quá trình xác lập Biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính yêu cầu hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp xác định các nội dung quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc có ý kiến tại cuộc họp trong quá trình xử lý vi phạm hành chính về các nội dung được lấy ý kiến nêu tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và người có thẩm quyền xử phạt để lựa chọn biện pháp khắc phục phù hợp đối với từng hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt; tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận TQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KTN, THNC, V (220b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức